

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42 /2023/HS-ST

Ngày: 27 - 7 - 2023

**NHÂN DANH  
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Huyền

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hà Thu

Bà Nguyễn Thị Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Minh Hiền - Thư ký tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Công Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2023/TLST- HS ngày 12 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

**Ngô Văn H**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Phố T, thị trấn T, huyện Quảng X, tỉnh Thanh hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn K (đã chết) và bà Đặng Thị M; vợ: chưa; tiền án: Ngày 11/12/2014 Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/12/2015). Ngày 06/02/2017 Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/06/2022); tiền sự: không; tạm giữ ngày 29/3/2023 đến ngày 04/04/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị Y - sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

2. Anh Lưu Văn Đ - sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

3. Chị Bùi Thị H - sinh năm 1970

Nơi cư trú: Thôn T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

4. Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1996

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (có đơn xin xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 08/2022 đến tháng 03/2023, Ngô Văn H đã sử dụng nguồn tiền của cá nhân cho một số người vay trên địa bàn huyện Q vay với lãi suất từ 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất từ 109,5%/1 năm đến 182,5%/1 năm.. Ngày 29/03/2023, nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Ngô Văn Hà đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra xác định Ngô Văn H đã cho 04 người vay để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

### 1. Hà cho **chị Nguyễn Thị Y** vay 02 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 15/08/2022, H cho chị Y vay số tiền 20.000.000đ không ấn định ngày trả gốc, với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 146%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng chị Y phải trả là 2.400.000đ/tháng cho đến khi trả hết tiền gốc. Khi cho vay H cắt trước 2.400.000đ tiền lãi tháng đầu tiên và đưa cho chị Y 17.600.000đ. Hàng tháng cứ đến ngày phải trả lãi thì Hà sẽ thu của chị Y 2.400.000đ. Tính đến ngày 29/03/2023( thời điểm CQĐT phát hiện tội phạm) chị Y đã vay số tiền trên trong thời gian 7 tháng 14 ngày tương đương với số tiền lãi phải trả cho H theo thỏa thuận là 17.920.000đ. Trong đó, chị Y đã trả cho H được 06 tháng tiền lãi với số tiền là 14.400.000đ còn nợ lại số tiền lãi trong 01 tháng 14 ngày là 3.520.000đ và hiện chưa trả tiền gốc. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của khoản vay là 2.454.795đ; số tiền H đã và sẽ thu lợi bất chính là 15.465.205đ. Thực tế H đã thu số tiền lãi của chị Y là 14.400.000đ, trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.972.603đ; số tiền H đã thu lợi bất chính là 12.427.397đ.

Lần thứ hai: Ngày 29/01/2023, H cho chị Y vay số tiền 15.000.000đ không ấn định ngày trả gốc, với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 146%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng chị Y phải trả là 1.800.000đ/tháng cho đến khi trả hết tiền gốc. Khi cho vay H cắt trước 1.800.000đ tiền lãi tháng đầu tiên và đưa cho chị Y 13.200.000đ. Tính đến ngày 29/03/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm) chị Y đã vay số tiền trên của H trong thời gian là 02 tháng, tương ứng với số tiền lãi phải trả cho H theo thỏa thuận là 3.600.000đ. Trong đó, chị Y đã trả cho H được 01 tháng tiền lãi với số tiền là 1.800.000đ còn nợ lại số tiền lãi trong 01 tháng là 1.800.000đ và hiện chưa trả tiền gốc. Với thời gian vay 02 tháng thì số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 493.151đ; do vậy số tiền H đã và sẽ thu lợi bất chính là 3.106.849đ. Thực tế Hà đã thu tiền lãi của chị Y là 1.800.000đ, trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của khoản vay là 246.575đ, số tiền Hà đã thu lợi bất chính là 1.553.425đ.

Tổng số tiền H đã cho chị Y vay 02 lần là 35.000.000đ với lãi suất theo thỏa thuận là 21.520.000đ. Theo mức lãi suất tối đa của Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của các khoản vay là 2.947.946đ, số tiền H đã và sẽ thu lợi bất chính là

18.572.054đ. Thực tế H đã thu tiền lãi của chị Y là 16.200.000đ, trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.219.178đ; số tiền H đã thu lời bất chính là 13.980.822đ.

2. Ngày 12/12/2022, H cho anh **Lưu Văn Đ** vay số tiền 20.000.000đ không ấn định ngày trả gốc, với lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 182,5%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh Đ phải trả là 3.000.000đ/tháng. Khi cho vay H cắt trước 3.000.000đ tiền lãi tháng đầu tiên và thu của anh Đ 200.000đ phí làm hồ sơ và đưa cho anh Đ số tiền 16.800.000đ. Quá trình vay, anh Đ đã trả thêm cho H được 02 tháng tiền lãi là 6.000.000đ. Ngày 12/03/2023 anh Đ đã trả hết số tiền gốc là 20.000.000đ cho Hà. Tổng số tiền anh Đ đã trả lãi cho khoản vay của H là 9.000.000đ. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 986.301đ. Số tiền lãi vượt quá quy định H thu là 8.013.699đ, số tiền H thu bất hợp pháp (thu phí làm hồ sơ) là 200.000đ. Như vậy số tiền H đã thu lời bất chính là 8.213.699đ.

3. Ngày 16/01/2023, H cho **chị Bùi Thị H** vay số tiền 60.000.000đ không ấn định ngày trả gốc, với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 109,5%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng chị H phải trả là 5.400.000đ/tháng. Hàng tháng cứ đến ngày phải trả lãi thì H sẽ thu của chị H số tiền 5.400.000đ. Quá trình vay, chị H đã trả thêm cho H được 5.000.000đ tiền lãi. Tính đến ngày 29/3/2023 (thời điểm CQĐT phát hiện tội phạm), chị H đã vay số tiền trên của H trong thời gian 2 tháng 13 ngày tương đương với số tiền lãi chị H phải trả cho Hà theo thỏa thuận là 13.140.000đ. Trong đó, chị H đã trả cho H được số tiền lãi là 10.400.000đ còn nợ lại số tiền lãi là 2.740.000đ. Hiện nay chị H đã trả hết số tiền gốc 60.000.000đ cho H. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự của khoản vay là 2.400.000đ, số tiền H đã và sẽ thu lời bất chính là 10.740.000đ. Thực tế H đã thu số tiền lãi của chị H là 10.400.000đ, trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.899.543đ; số tiền H đã thu lời bất chính là 8.500.457đ.

4. Ngày 04/03/2023, H cho **chị Nguyễn Thị T** vay số tiền 10.000.000đ không ấn định ngày trả gốc, với lãi suất 3.333đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 121,7%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng chị T phải trả là 1.000.000đ/tháng. Khi cho vay H cắt trước 1.000.000đ tiền lãi tháng đầu tiên và đưa cho chị T số tiền 9.000.000đ. Hiện nay chị T đã trả số tiền gốc cho H. Theo mức lãi suất tối đa Bộ luật dân sự quy định, số tiền lãi hợp pháp của khoản vay là 164.384đ, số tiền H thu lời bất chính là 835.616đ.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 15/08/2022 đến ngày 04/03/2023, Ngô Văn H đã sử dụng số tiền **125.000.000đ** cho 04 khách vay với lãi suất từ 109,5%/1 năm đến 182,5%/ 1 năm. Mức lãi suất trên vượt quá từ 5,48 lần đến 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự thu 44.660.000đ tiền lãi và 200.000đ phí làm hồ sơ. Trong đó tổng số tiền lãi hợp pháp của các khoản vay là 6.498.630đ. Số tiền H đã và sẽ thu lãi vượt quá quy định là 38.161.370đ, số tiền H thu phí làm hồ sơ (thu bất hợp pháp) là 200.000đ, số tiền Hà đã và sẽ thu lời bất chính là **38.361.370đ**. Thực tế H đã thu số tiền lãi là 36.600.000đ, trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 5.269.406đ, số tiền H đã thu lãi vượt quá quy định là 31.330.594đ, ngoài ra H thu phí làm hồ sơ của khách (thu bất hợp pháp) số tiền 200.000đ.

**Tại bản cáo trạng số 44/CT-VKSQX** ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Xương, tỉnh Thanh Hoá truy tố Ngô Văn H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 và khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 29/3/2023 đến 04/4/2023.

+ Về phạt bổ sung: Phạt bị cáo từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ để sung nộp ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo (do bị cáo công ăn việc làm không ổn định)

+ Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc 125.000.000đ, H dùng tiền cá nhân cho vay là phương tiện phạm tội cần tịch thu xung quỹ Nhà nước. Trong đó tịch thu của H 90.000.000đ (số tiền các khách vay đã trả cho Hà); tịch thu 35.000.000đ của chị Nguyễn Thị Y để nộp vào ngân sách Nhà nước

- Đối với số tiền 5.269.406đ là tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu của Ngô Văn H để xung công quỹ Nhà nước.

- H phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiền thu lợi bất chính mà H đã thu. Cụ thể: H phải trả lại cho anh Lưu Văn Đ 8.213.699đ, trả lại cho chị Bùi Thị H 8.500.457đ, trả lại cho chị Nguyễn Thị Y 13.980.822đ. Đối với chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Hà phải trả lại khoản tiền lãi 835.616đ đã thu vượt quá quy định của pháp luật.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời sau cùng đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay: Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các chứng cứ tài liệu khác thu thập được phản ánh trong hồ sơ.

[2.1]. Đủ cơ sở chứng minh: Xuất phát từ động cơ tư lợi, trong khoảng thời gian từ ngày 15/08/2022 đến ngày 04/03/2023, Ngô Văn H đã sử dụng số tiền 125.000.000đ của cá nhân cho anh Lưu Văn Đ, chị Bùi Thị H, chị Nguyễn Thị Y và chị Nguyễn Thị T vay với lãi suất từ 109,5%/1 năm đến 182,5%/1 năm, vượt quá từ 5.48 lần đến 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính với tổng số tiền là **38.361.370đ**.

[2.2]. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Ngô Văn H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Ngô Văn H có đầy đủ dấu hiệu của tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất vụ án: Đây là vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo đã lợi dụng nhu cầu vay cần vay tiền của người dân một cách nhanh nhất, không cần thế chấp và không phải thực hiện các thủ tục gì, đã cho vay với lãi suất cao từ 109,5%/1 năm đến 182,5%/1 năm, vượt quá từ 5.48 lần đến 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự nhằm thu lời bất chính. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do đó phải đ-ợc xử lý nghiêm minh.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo là người có nhận thức, nhưng cũng chỉ vì muốn kiếm tiền một cách nhanh nhất mà không phải bỏ công sức lao động của mình đã thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao để thu lời bất chính, dẫn đến phạm tội. Bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được qui định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS. Xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp, tuy nhiên khi quyết định hình phạt nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì ra đầu thú, thành khẩn khai báo, bị cáo có bố mẹ là người có công với cách mạng được qui định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội mang tính chất vụ lợi, nên áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS phạt tiền bị cáo 30.000.000đ là phù hợp. Bị cáo lao động tự do, công ăn việc làm không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6]. Về các biện pháp tư pháp:

[6.1]. Đối với số tiền gốc 90.000.000đ mà những người vay đã trả cho bị cáo hà gồm: anh Lưu Văn Đ đã trả 20.000.000đ, chị Bùi Thị H đã trả 60.000.000đ, chị Nguyễn Thị T đã trả cho Hà 10.000.000đ. Đây là tiền H sử dụng làm phương

tiện phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS cần tịch thu ở bị cáo Hà số tiền 90.000.000đ để sung nộp ngân sách nhà nước.

[6.2]. Đối với số tiền nợ gốc 35.000.000đ chị Nguyễn Thị Y vay của H chưa trả. Đây là số tiền H dùng vào việc phạm tội, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS buộc chị Y phải nộp lại số tiền 35.000.000đ để tịch thu sung ngân sách nhà nước

[6.3]. Đối với số tiền 5.269.406đ là tiền lãi H thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không tính xác định trách nhiệm hình sự, nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu của Ngô Văn H để sung quỹ Nhà nước.

[6.4]. Đối với số tiền H đã thu lãi của những người vay vượt quá qui định của BLDS gồm: anh Lưu Văn Đ 8.213.699đ; chị Bùi Thị Hoa 8.500.457đ; chị Nguyễn Thị Y 13.980.822đ. Quá trình điều tra xác định các anh Đồng, chị H, chị Y vay tiền của Hà sử dụng vào mục đích hợp pháp. Đây là khoản tiền H thu lời bất chính của những người vay, áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS cần buộc H phải trả lại số tiền trên cho những người vay. Đối với chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Hà phải trả lại khoản tiền lãi 835.616đ đã thu vượt quá quy định của pháp luật, đây là sự tự nguyện của chị T nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1, 3 Điều 201; điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 35; Điều 36 BLHS; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS;; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên bố:** Ngô Văn H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

**Xử phạt:** Ngô Văn H 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06(sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 29/3/2023 đến ngày 04/4/2023) qui đổi bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành là 14 (mười bốn) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 30.000.000đ để sung nộp ngân sách nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

**\* Về các biện pháp tư pháp:**

- Tịch thu bị cáo số tiền 90.000.000đ và 5.269.406đ để sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu từ chị Nguyễn Thị Y số tiền 35.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo H phải trả lại cho anh Lưu Văn Đ 8.213.699đ, chị Bùi Thị H 8.500.457đ, chị Nguyễn Thị Y 13.980.822đ

- Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Hà phải trả lại số tiền lãi 835.616đ mà H đã thu vượt quá quy định của pháp luật

**\* Về án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

*Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.*

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận**

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- VKSND huyện Quảng Xương
- Công an huyện Quảng Xương
- THA DS huyện Quảng Xương
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Bùi Thị Huyền**



